| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số **10**/2018/DSPT
Ngày 21/3/2018
*"V/v Tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Quốc Huy

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Biểu

Bà Vũ Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Nam Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên:*** Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên tham gia pH1 tòa.

Trong các ngày 19/01/2018 và ngày 21/3/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2017/DSPT ngày 17/10/2017 về việc Tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Toà án nhân dân huyện VG bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Chu Văn C, sinh năm 1967.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (vợ ông C), theo giấy ủy quyền ngày 08/12/2016. Đều trú tại: thôn VT, xã LN, huyện VG, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Chu Văn H, sinh năm 1979 (con trai bà Đ), theo giấy ủy quyền ngày 07/12/2016. Đều trú tại: thôn VT, xã LN, huyện VG, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

+ Anh Chu Văn H, sinh năm 1979

+ Chị Đàm Thị H1, sinh năm 1984

+ Anh Chu Thế A, sinh năm 1990

+ Chị Chu Thị T1 sinh năm 1997

+ Anh Chu Văn H2, sinh năm 1976

Đều trú tại: thôn VT, xã LN, huyện VG, Hưng Yên.

+ Chị Chu Thị H3, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn B, xã PC, huyện VG, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Chu Thế A và chị Chu Thị T1: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, theo Giấy ủy quyền ngày 08/12/2016.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Chu Văn H: Luật sư Lê Hồng H, Văn phòng Luật sư TN – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

4. Người làm chứng: Ông Lê Quang T3, sinh năm 1948. Trú tại: thôn VT, xã LN, huyện VG, Hưng Yên.

5. Người kháng cáo: Anh Chu Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn ông Chu Văn C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Gia đình ông bà có quyền sử dụng 200m$^2$ đất tại thửa số 279, tờ bản đồ số 08 thôn VT, xã LN, huyện VG và đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/8/1999. Cạnh phía Tây Nam thửa đất của ông bà giáp với thửa đất đứng tên bà Nguyễn Thị Đ nhưng trên thực tế thửa đất do vợ chồng anh Chu Văn H và chị Đàm Thị H1 con trai và con dâu bà Đ quản lý, sử dụng. Tháng 4/2016 vợ chồng anh H xây bể nước lấn sang đất của ông bà khoảng gần 01m$^2$. Khi anh H đào móng, ông bà đã nhắc nhở nhưng vợ chồng anh H cố tình xây lấn sang đất của ông bà và còn có những lời nói hỗn láo. Ông bà cũng đã đề nghị UBND xã LN giải quyết nhưng UBND xã đã không ngăn chặn kịp thời nên công trình anh H đã xây xong và hiện đang sử dụng. Do đó, ông Chu Văn C khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện VG giải quyết buộc vợ chồng anh H phải tháo dỡ phần bể nước xây lấn sang đất của ông bà, để trả lại cho ông bà phần diện tích đất bị lấn chiếm theo đúng mốc giới gia đình ông bà đã được cấp Giấy CNQSD đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Hiện tại bà đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 284, tờ bản đồ số 08, diện tích 289m$^2$ tại thôn VT, xã LN, huyện VG và đã được UBND huyện VG cấp Giấy CNQSD đất ngày 03/5/2013. Việc cấp Giấy CNQSD đất là hoàn toàn đúng pháp luật nên bà không có thắc mắc hay khiếu nại gì. Thửa đất của bà hiện nay do vợ chồng con trai là anh Chu Văn H và con dâu là chị Đàm Thị H1 quản lý, sử dụng. Các vấn đề khác bà đã ủy quyền cho anh Chu Văn H. Đề nghị Tòa án căn cứ vào ý kiến, quan điểm của anh H để giải quyết vụ án.

Anh Chu Văn H trình bày: Vợ chồng anh đang quản lý, sử dụng thửa đất đứng tên mẹ anh là bà Nguyễn Thị Đ. Cạnh phía Đông Bắc thửa đất vợ chồng

anh đang sử dụng tiếp giáp với cạnh phía Tây Nam thửa đất hộ ông C. Ranh giới giữa hai bên là phần đất thẹo nên không có vật, công trình hay tường rào phân định mốc giới. Tháng 4/2016 vợ chồng anh xây bể nước ăn giáp với đất hộ ông C. Trong quá trình xây dựng gia đình ông C không có ý kiến gì. Sau khi xây xong ông C mới làm đơn khởi kiện vợ chồng anh xây lấn sang đất của hộ ông C. Anh H xác định vợ chồng anh xây bể nước đúng mốc giới đất mà mẹ anh đã được cấp bìa đỏ, không lấn chiếm đất của hộ ông C. Quan điểm của anh H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Chị Đàm Thị H1 là vợ anh H trình bày mốc cõi giữa thửa đất của mẹ chồng chị với vợ chồng ông C như nào chị không nắm được. Đầu năm 2016 vợ chồng anh chị xây bể nước ăn giáp đất hộ ông C nhưng toàn bộ việc xây bể là do chồng chị trực tiếp cùng thợ xây làm, chị không nắm được. Đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của anh H để giải quyết vụ án.

Người làm chứng ông Lê Quang T3 trình bày: ông đang sử dụng thửa đất đứng tên mẹ ông là cụ Lê Thị K (còn gọi là cụ X), một cạnh thửa đất của ông giáp cạnh phía Tây Bắc thửa đất của vợ chồng anh H và giáp với một phần cạnh phía Tây Nam thửa đất hộ ông C. Cạnh giáp ranh giữa thửa đất của ông với thửa đất hộ ông C có 01 bức tường bao do ông xây cách đây 10 năm nay vẫn còn chân tường nằm ngang mặt đất, là điểm đánh dấu mốc giới thửa đất của hai gia đình. Giữa ông với hộ ông C và hộ bà Đ, anh H không có tranh chấp gì về mốc giới.

Ngày 11/01/2017 TAND huyện VG đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản kết quả như sau:

Thửa đất hộ ông Chu Văn C có diện tích đo thực tế là 208,2m$^2$. Số đo các cạnh thửa đất như sau: Cạnh giáp đất hộ ông Chu Văn Q đo thực tế là 15,42m nhưng số liệu ghi trên bìa đỏ là 15,3m. Cạnh giáp đất anh H đang sử dụng đo thực tế là 13,96m nhưng số liệu ghi trên bìa đỏ là 14,2m. Cạnh giáp ngõ đi về phía Nam đo thực tế là 14,98m nhưng số liệu ghi trên bìa đỏ là 15m. Cạnh giáp ngõ đi về phía Đông đo thực tế là 13,59m nhưng số liệu trên bìa đỏ là 13,7m.

Thửa đất vợ chồng anh H đang sử dụng có diện tích đo thực tế là 292m$^2$. Số đo các cạnh thửa đất như sau: Cạnh giáp đất ông Lê Quang T3 đang sử dụng đo thực tế là 14,04m nhưng số liệu ghi trên bìa đỏ là 13,70m. Cạnh giáp đất hộ ông C đo thực tế là 9,5m nhưng số liệu ghi trên bìa đỏ là 9,4m. Cạnh giáp đất hộ anh H2 thực tế là 11,90m nhưng số liệu ghi trên bìa là 11,70m. Cạnh giáp đất hộ ông K số liệu đo thực tế và số liệu trên bìa đỏ đều là 22,80m.

Kết quả định giá về đất tranh chấp trị giá là 1.500.000đ/m$^2$. Bể nước có kích thước (3m x 2m x 1,6m) = 9.6m$^3$ và bên trên có 01 bể lọc kích thước (1,3m x 1,3m x 0,8m) = 1,352m$^3$ có trị giá là 5.800.000đ.

Ủy ban nhân dân xã LN cung cấp: Đến thời điểm Tòa án xác minh mốc giới thửa đất giữa hộ ông C tiếp giáp với hộ ông Lê Quang T3 (con cụ X) và hộ ông Chu Văn Q không có tranh chấp. Mốc giới thửa đất hộ bà Đ với hộ ông T3 (con cụ X) và hộ ông K không có tranh chấp. Vì vậy, giao điểm giữa các thửa đất trên theo sơ đồ thẩm định là điểm cố định để làm căn cứ giải quyết vụ án. Mặt khác, cạnh tiếp giáp giữa thửa đất hộ bà Đ với thửa đất hộ ông C là đường thẳng, không phải đường gấp khúc. Thời điểm anh H xây bể nước, ông C đã có đơn yêu cầu UBND xã giải quyết về việc anh H xây dựng lấn chiếm sang đất gia đình ông. UBND xã đã trực tiếp kiểm tra và xác định anh H xây bể nước lấn sang đất của ông C nhưng do anh H cơ bản đã xây xong nên không thể phá dỡ. UBND xã đã mời các bên đến hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được.

Văn phòng đăng ký đất đai huyện VG cung cấp không nhận được khiếu nại nào về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Đ và hộ ông C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DSST ngày 06/9/2017, Tòa án nhân dân huyện VG đã quyết định: Căn cứ Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 143, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn C.

Xác định mốc giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Chu Văn C với hộ bà Nguyễn Thị Đ là một đường thẳng, không gấp khúc. Theo sơ đồ là đoạn AB.

Buộc anh Chu Văn H phải tháo dỡ phần bể xây lấn sang phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông C, số đo chiều dài một cạnh là 0,21m, cạnh đối diện là 0,15m, chiều ngang là 2m và tổng diện tích là 0,4m$^2$. Việc xác định ranh giới, mốc giới và phần tài sản phải tháo dỡ có sơ đồ kèm theo. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2017 anh Chu Văn H nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Vụ việc chưa được hòa giải tại UBND xã LN theo đúng quy định của pháp luật; chưa thu thập đầy đủ chứng cứ của vụ án; xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa ngày 19/01/2018: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Chu Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H trình bày nội dung kháng cáo và cho rằng số liệu đo đạc hiện trạng thửa đất của Tòa án cấp sơ thẩm còn có sai sót, nhầm lẫn giữa kết quả đo đạc và sơ đồ thửa đất kèm theo bản án sơ thẩm. Do đó, Luật sư và anh H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 và Điều 304 của Bộ luật TTDS tạm ngừng phiên

tòa để xem xét, thẩm định lại. Đồng thời, đề nghị đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Chu Văn H2 và chị Chu Thị H3 vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhất trí yêu cầu của anh H và Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng pH1 tòa để xem xét, thẩm định lại.

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 304 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tạm ngừng phiên tòa để đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng và xem xét, thẩm định lại.

Kết quả đo đạc hiện trạng các thửa đất hộ ông Chu Văn C và hộ bà Nguyễn Thị Đ (thực tế vợ chồng anh Chu Văn H đang trực tiếp quản lý, sử dụng) ngày 05/02/2018 như sau:

+ Thửa đất hộ ông Chu Văn C có diện tích đo thực tế là 212,7m$^2$ tăng hơn đo lần đầu là 4,5m$^2$ và tăng hơn so với bìa đỏ là 12,7m$^2$. Số đo các cạnh thửa đất như sau: Cạnh giáp đất hộ ông Chu Văn Q đo thực tế là 15,51m (tăng hơn đo lần đầu là 0,09m) và số liệu ghi trên bìa đỏ là 15,3m. Cạnh giáp đất anh H đang sử dụng đo thực tế là 13,97m (tăng hơn đo lần đầu là 0,01m) và số liệu ghi trên bìa đỏ là 14,2m. Cạnh giáp ngõ đi về phía Nam đo thực tế là 15,29m (tăng hơn so với đo lần đầu là 0,31m) và số liệu ghi trên bìa đỏ là 15m. Cạnh giáp ngõ đi về phía Đông đo thực tế là 13,6m (tăng hơn đo lần 1 là 0,01m) và số liệu trên bìa đỏ là 13.7m.

+ Thửa đất vợ chồng anh H đang sử dụng có diện tích đo thực tế là 290,2m$^2$ giảm đi so với đo lần đầu là 1,8m$^2$ (lần đầu đo 292m$^2$). Số đo các cạnh thửa đất như sau: Cạnh giáp đất ông Lê Quang T3 đang sử dụng đo thực tế là 14,06m (tăng hơn đo lần đầu là 0,02m) và số liệu ghi trên bìa đỏ là 13,70m. Cạnh giáp đất hộ ông C đo thực tế là 9,46m (giảm đi so đo lần đầu là 0,04m) và số liệu ghi trên bìa đỏ là 9,4m. Cạnh giáp đất hộ anh H2 đo thực tế là 11,82m (giảm đi so đo lần 1 là 0,08m) nhưng số liệu ghi trên bìa là 11,70m. Cạnh giáp đất hộ ông K số liệu đo thực tế 22,72 (giảm đi so đo lần đầu là 0,08m) và số liệu trên bìa đỏ là 22,80m.

Tại phiên tòa ngày 21 tháng 3 năm 2018: Có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T, anh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Chu văn H. Vắng mặt bà Đ (ủy quyền cho anh H), anh Chu Thế Anh và chị Chu Thị Thu là các con ông Chu Văn C đã có giấy ủy quyền cho bà T. Anh Chu Văn H2, chị Chu Thị H3 và chị Đàm Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Anh H cho biết chị H1, anh H2 và chị H3 đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bận công việc nên không đến phiên tòa được. Các đương sự, luật sư và đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người trên. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông C, bà T và vợ chồng anh H vẫn giữ nguyên các nội dung, yêu cầu của mình.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Chu Văn H trình bày ý kiến như sau: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án vi phạm về thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND xã LN. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Chu Văn H2 và chị Chu Thị H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Về nội dung vụ án, luật sư cho rằng kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ giữa lần 1 và lần 2 có sự chênh lệch nên cần phải làm rõ về việc tăng, giảm diện tích và số đo các cạnh thửa đất của hộ bà Đ và hộ ông C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Đ được cấp năm 2013 ít hơn diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Đ được cấp trước kia. Do đó, chưa đủ căn cứ để xác định anh H xây bể nước lấn sang đất hộ ông C. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, HĐXX phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Chu Văn H nhưng sửa bản án sơ thẩm, buộc anh H phải tháo dỡ phần bể nước xây lấn sang đất hộ ông Chu Văn C theo kết quả thẩm định lại là 0,35m$^2$.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục hòa giải: Anh H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án khi chưa qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã LN là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng tố tụng về thụ lý vụ án. Về nội dung này, UBND xã LN cung cấp ngay sau khi nhận được đơn của ông Chu Văn C đề nghị giải quyết việc anh Chu Văn H xây dựng bể nước lấn sang đất của gia đình ông, UBND xã đã cử cán bộ Địa chính đến đo đạc, xác định mốc giới giữa hai gia đình và mời các bên đến UBND xã để giải quyết nhưng bà Nguyễn Thị Đ và anh Chu Văn H không đến làm việc. Sau đó, UBND xã giao cho cán bộ tư pháp xã viết giấy mời các bên đến hòa giải vào các ngày 26/7/2017, ngày 28/7/2017 và ngày 03/8/2017 nhưng bà Đ và anh H đều vắng mặt không có lý do. Quá trình xét xử phúc thẩm anh H thừa nhận UBND xã có gửi giấy mời cho gia đình anh 2 lần, trong đó có 01 lần UBND xã  mời mẹ anh và anh đến để xác minh theo đơn đề nghị của công dân nhưng gia đình anh không có gì đề nghị với UBND xã nên anh và mẹ anh không đến. Do bà Đ và anh H không đến làm việc nên UBND xã không tổ chức hòa giải được và đã hướng dẫn ông C khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện VG để giải quyết. Trên cơ sở báo cáo và hồ sơ UBND

xã LN cung cấp, Tòa án nhân dân huyện VG thụ lý đơn khởi kiện của ông Chu Văn C là đúng pháp luật. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng đều không có kết quả. Do đó, kháng cáo của anh H về nội dung này không được chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo của anh H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm còn bỏ lọt người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Thửa đất mà vợ chồng anh Chu Văn H, chị Đàm Thị H1 đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của ông Chu Văn TH và bà Nguyễn Thị Đ là bố mẹ anh H. Năm 1995 ông Chu Văn TH chết nên phần di sản của ông TH trong khối tài sản chung của vợ chồng thuộc về các thừa kế gồm bà Đ và các con của ông bà là chị Chu Thị H3, anh Chu Văn H2 và anh Chu Văn H. Vợ chồng anh H đang quản lý, sử dụng 289m$^2$ đất vẫn đứng tên bà Nguyễn Thị Đ, chưa sang tên cho anh H. Do đó, chị Chu Thị H3 và anh Chu Văn H2 là người thừa kế của ông Chu Văn TH vẫn có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến thửa đất mà vợ chồng anh H đang quản lý, sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh H2 và chị H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để đưa chị Chu Thị H3 và anh Chu Văn H2 vào tham gia tố tụng. Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục. Mặt khác, về nội dung tranh chấp xác định anh H và chị H1 xây bể nước có lấn sang đất của ông C hay không không làm thay đổi diện tích, hiện trạng thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Đ nên không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của chị H3 và anh H2. Do đó, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo như kháng cáo của anh H và ý kiến của Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo của anh H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thiếu tài liệu chứng cứ đó là: *Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 279 và thửa đất số 284 thôn VT, xã LN, huyện VG; Hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất hộ ông C và hộ bà Đ; Biên bản xác định mốc giới thửa đất.* Về nội dung này, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VG cung cấp bổ sung. Chứng cứ vụ án đã được thu thập đầy đủ. Do đó, không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm về nội dung này.

[4] Thửa đất hộ gia đình ông Chu Văn C và hộ bà Nguyễn Thị Đ hiện do anh Chu Văn H và chị Đàm Thị H1 đang quản lý sử dụng đều đã được UBND cấp có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất, theo đó hộ ông C có quyền sử dụng 200m$^2$, hộ bà Đ có quyền sử dụng 289m$^2$. Các bên đều thừa nhận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục, đủ diện tích và không ai có khiếu nại, thắc mắc gì. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là nguồn tài liệu để xác định mốc giới sử dụng đất của hai gia đình.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã thuê công ty đo đạc đo hiện trạng sử dụng đất của hai bên, kết quả thể hiện hộ ông Chu Văn C đang sử dụng thực tế là 208,2m$^2$, hộ bà Đ do vợ chồng anh H đang sử dụng thực tế là 292m$^2$ và đều thừa ra so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Kết quả xem xét thẩm định lại vào ngày 05/02/2018 thể hiện: thửa đất hộ ông Chu Văn C có diện tích là 212,7m$^2$ và thửa đất hộ bà Nguyễn Thị Đ là 290,2m$^2$ vẫn đều thừa ra so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên cạnh giáp ranh giữa thửa đất hộ ông C với hộ ông Lê Quang T3 và hộ bà Nguyễn Thị Đ hai đầu đều có điểm mốc cố định nên ranh giới không thay đổi. Điểm mốc cạnh giáp ranh giữa thửa đất hộ ông Chu Văn C với thửa đất hộ ông Lê Quang T3 được xác định bằng một đoạn tường bao do ông T3 xây từ lâu nay vẫn còn chân tường nằm sát mặt đất (ký hiệu là điểm A) và điểm mốc cạnh giáp ranh giữa thửa đất hộ ông Chu Văn C với thửa đất hộ bà Nguyễn Thị Đ có một cột bê tông (ký hiệu là điểm B). Các đương sự đều thừa nhận các điểm mốc giới này. Việc tăng giảm diện tích của thửa đất hộ bà Đ và hộ ông C là do vị trí điểm mốc giữa các cạnh còn lại của 2 thửa đất có sự xê dịch tăng, giảm qua mỗi lần đo đạc từ 0,01m đến 0,09m. Việc tăng, giảm diện tích và số đo các cạnh thửa đất của hộ bà Đ và hộ ông C không làm thay đổi ranh giới giữa hai thửa đất. Do đó, không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của Luật sư về nội dung này.

[7] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Chu Văn C và bà Nguyễn Thị Đ đều thể hiện cạnh giáp ranh giữa thửa đất hộ ông C và hộ bà Đ là đường thẳng. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định cạnh bể nước của vợ chồng anh Chu Văn H và chị Đàm Thị H1 đã xây làm cho ranh giới giữa hai thửa đất bị biến dạng thành đường gấp khúc. Nối điểm mốc A với điểm mốc B thì cạnh bể nước của anh H và chị H1 đã xây lấn sang qua cạnh AB sang phần đất hộ ông Chu Văn C theo kết quả đo đạc lần 1 là 0,4m$^2$ và đo đạc lần 2 xác định là 0,35m$^2$. Như vậy, xem xét bằng trực quan và kết quả đo đạc đều thể hiện vợ chồng anh Chu Văn H xây bể nước đã lấn sang đất của hộ ông Chu Văn C theo kết quả đo đạc lần 2 là 0,35m$^2$. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn C là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của anh Chu Văn H cho rằng anh xây bể nước trên đất của gia đình mình và không xây lấn sang đất của ông Chu Văn C là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Phần diện tích đất anh H xây lấn sang hộ ông C không nhiều và có giá trị không lớn; vị trí bể nước anh H xây lấn sang đất nhà ông C là phần đất trống, tiếp giáp với cạnh nhà của ông C nên không ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng ngôi nhà của ông C. Tuy nhiên, đường ranh giới chung của hai nhà bị biến dạng, thay đổi làm cho hình thể thửa đất trên bản đồ và trên Giấy CNQSD đất bị sai lệch với thực tế, ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ sử dụng đất. Mặt khác, giữa

ông C và anh H có quan hệ chú cháu ruột nhưng anh H không nhận thức được việc làm sai trái của mình và cam kết sẵn sàng dỡ bỏ công trình xây dựng nếu anh H xây bể nước lấn sang đất hộ ông C. Do đó, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm buộc anh H phải tháo dỡ phần bể nước xây sang đất của hộ ông C.

[9] Bể nước mà anh H xây lấn sang đất của hộ ông C là tài sản sở hữu chung của anh H và chị H1. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc anh H phá dỡ bể nước để trả đất cho hộ ông C mà không buộc chị H1 cũng có trách nhiệm phá dỡ bể là chưa xác định triệt để về chủ thể có nghĩa vụ thi hành bản án. Cấp phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[10] Về án phí: Anh H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 97, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Chu Văn H. Sửa bản án sơ thẩm số 15/2017/DS- ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện VG về việc tranh chấp mốc giới quyền sử dụng đất như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn C.

Xác định mốc giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông Chu Văn C với hộ bà Nguyễn Thị Đ là đường thẳng, trên sơ đồ kí hiệu là cạnh AB.

Anh Chu Văn H và chị Đàm Thị H1 đang quản lý, sử dụng thửa đất đứng tên bà Nguyễn Thị Đ và đã xây bể nước lấn sang thửa đất của hộ ông Chu Văn C là 0,35m$^2$, trên sơ đồ ký hiệu là hình CDEF, trong đó: CD = 0,19m, EF = 0,15m, CF = DE = 2.07m.

Buộc anh Chu Văn H và chị Đàm Thị H1 phải tháo dỡ phần bể nước xây lấn sang đất hộ ông Chu Văn C theo diện tích đã xác định ở trên.

Ranh giới, mốc giới thửa đất hộ ông Chu Văn C và hộ bà Nguyễn Thị Đ và phần bể nước anh Chu Văn H và chị Đàm Thị H1 phải tháo dỡ được xác định theo sơ đồ kèm theo bản án.

2. Về án phí: Anh Chu Văn H phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số HY/2010/015552 ngày 18/9/2017 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện VG. Anh H còn phải nộp tiếp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Chu Văn C 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số HY/2010/015228 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VG.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TA, THA huyện VG;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**Lê Quốc Huy**